**SỰ KHÁC BIỆT CỦA CHUẨN MỰC KẾ TOÁN QUỐC TẾ (IAS) VÀ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM(VAS) VỀ TSCĐ VÔ HÌNH**

Trong xu thế hội nhập kinh tế toàn cầu, việc hạch toán kế toán theo Chuẩn mực kế toán quốc tế IAS ngày càng nhận được sự ủng hộ của các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Tại Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) bao gồm 26 chuẩn mực, được xây dựng dựa trên các chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS) theo nguyên tắc phù hợp với đặc điểm nền kinh tế và tình hình các doanh nghiệp tại Việt Nam. Năm 2014 với việc ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC về chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006 ngày 20/03/2006 đã đưa chế độ kế toán và lập BCTC của Việt Nam tiến lại gần hơn với các tiêu chuẩn quốc tế trong IAS và IFRS(Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế). Tuy nhiên, cho dù được xây dựng dựa trên IAS/IFRS nhưng VAS vẫn có nhiều điểm khác biệt với IAS/IFRS ở các phần hành: Hàng tồn kho, TSCĐ hữu hình, vô hình, bất động sản đầu tư, tài nguyên thiên nhiên, vật nuôi, cây trồng…Báo cáo tài chính.Trong bài viết, tác giả đề cập đến sự khác biệt giữa chuẩn mực kế toán Việt Nam và chuẩn mực kế toán quốc tế ở phần hành: TSCĐ vô hình.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đối tượng kế toán** | **Kế toán Việt Nam** | **Kế toán quốc tế** |
| TSCĐ vô hình | VAS 04 | IAS 38 |

**Bảng: Đối chiếu chuẩn mực liên quan đến tài sản vô hình**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **VAS 04** | **IAS 38** |
| Thời điểm ban hành gần nhất | 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013 | Điều chỉnh vào tháng 3/2004 và những tu chỉnh từ IFRS tính đến 31/12/2009 |
| Định nghĩa về tài sản vô hình | Tài sản vô hình phải thỏa mãn các điều kiện: Giá trị có thể xác định 1 cách đáng tin cậy, khả năng kiểm soát tài sản, và mang lại lợi ích kinh tế tương lai | |
| Ghi nhận tài sản vô hình | Thỏa mãn về định nghĩa và tiêu chuẩn ghi nhận | |
| Tiêu chuẩn ghi nhận có tiêu chí về giá trị và thời gian (trên 1 năm) cụ thể:  a) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;  b) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;  c) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) trở lên.  Riêng các chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai được ghi nhận là TSCĐ vô hình tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp nếu thỏa mãn đồng thời bảy điều kiện sau:  a) Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản vô hình vào sử dụng theo dự tính hoặc để bán;  b) Doanh nghiệp dự định hoàn thành tài sản vô hình để sử dụng hoặc để bán;  c) Doanh nghiệp có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản vô hình đó;  d) Tài sản vô hình đó phải tạo ra được lợi ích kinh tế trong tương lai;  đ) Có đầy đủ các nguồn lực về kỹ thuật, tài chính và các nguồn lực khác để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản vô hình đó;  e) Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản vô hình đó;  g) Ước tính có đủ tiêu chuẩn về thời gian sử dụng và giá trị theo quy định cho tài sản cố định vô hình. | Không quan tâm đến tiêu chuẩn về giá trị giá trị và thời gian |
| **Đo lường tài sản vô hình** | | |
|  | Xác định theo giá gốc | |
| a) Tài sản cố định vô hình mua sắm:  + Nguyên giá TSCĐ vô hình mua sắm(bao gồm cả quyền sử dụng đất) là giá mua thực tế phải trả cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng.  + Trường hợp TSCĐ vô hình mua sắm theo hình thức trả chậm, trả góp, nguyên giá TSCĐ là giá mua tài sản theo phương thức trả tiền ngay tại thời điểm mua (không bao gồm lãi trả chậm) | Mua tài sản riêng biệt giống với VAS nhưng không đề cập đến quyền sử dụng đất.  Nếu mua trả chậm thì lãi trả chậm cũng được ghi nhận là chi phí lãi vay, không cộng vào nguyên giá. |
| TS được cấp, tặng | Nguyên giá TSCĐ vô hình được cấp, được biếu, được tặng là giá trị hợp lý ban đầu cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến việc đưa tài sản vào sử dụng | Ưu tiên ghi nhận theo giá hợp lý. Nếu không có giá hợp lý thì chọn giá danh nghĩa cộng với các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến việc đưa tài sản vào sử dụng. |
| Quyền sử dụng đất | Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng (+) các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn | Không đề cập mà gắn với nhà xưởng khi mua vào, nhưng cần tách biệt theo dõi |
| TS vô hình nhận dưới hình thức trao đổi | Nguyên giá TSCĐ vô hình mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ vô hình không tương tự: là giá trị hợp lý của TSCĐ vô hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi (sau khi cộng thêm các khoản phải trả thêm hoặc trừ đi các khoản phải thu về) cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng theo dự tính  Nguyên giá TSCĐ vô hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ vô hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự là giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đem trao đổi. | Giá hợp lý là cơ sở để đo lường tài sản vô hình nhận được.  Giá gốc chỉ được sử dụng khi trao đổi tương tự và giá hợp lý không xác định được. |
| Lợi thế thương mại tạo ra nội bộ | Không được ghi nhận là tài sản | |
| Chi phí nghiên cứu và phát triển | Chi phí nghiên cứu được ghi nhận như là khoản chi phí kinh doanh khi phát sinh.  Chi phí phát triển được vốn hóa nếu đáp ứng tiêu chuẩn về vốn hóa.  TS vô hình tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp được đo lường theo giá gốc. | |
| Ghi nhận chi phí | Chi phí liên quan đến TS vô hình được ghi nhận là chi phí kinh doanh trừ phi nó hình thành một phần nguyên giá và thỏa mãn tiêu chuẩn ghi nhận TS vô hình.  Chi phí liên quan đến TS vô hình đã được ghi là chi phí kinh doanh trong kỳ trước đó thì không được tái ghi nhận TS vô hình | |
| Chi phí sau ghi nhận ban đầu | Được ghi nhận là chi phí SXKD  Được ghi tăng nguyên giá nếu:  + Làm TSCĐ vô hình tạo ra lợi ích kinh tế tương lai nhiều hơn  + Chi phí được đo lường tin cậy và gắn với một TSCĐ vô hình cụ thể | Không đề cập mà là một phần của ghi nhận chi phí đã đề cập ở trên |
| Đo lường sau ghi nhận | Chỉ áp dụng mô hình giá gốc | Lựa chọn một trong hai mô hình: giá gốc hay mô hình đánh giá lại. |
| **Khấu hao** | | |
| Thời gian sử dụng hữu ích | - Thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ vô hình được xem như xác định, tối đa là 20 năm  - Đối với TSCĐ vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất thuê, thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của doanh nghiệp.  - Đối với TSCĐ vô hình là quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ, quyền đối với giống cây trồng, thì thời gian trích khấu hao là thời hạn bảo hộ được ghi trên văn bằng bảo hộ theo quy định (không được tính thời hạn bảo hộ được gia hạn thêm). | Thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ vô hình có thể *xác định* hoặc *không xác định*.  Thời gian hữu ích dựa trên sản lượng khai thác, sản lượng tương tự, hoặc thời gian của tài sản có liên quan đến điều khoản qui định trong hợp đồng (quyền pháp lý) |
| Phương pháp khấu hao | Lựa chọn khấu hao theo một trong 3 phương pháp như TSCĐ hữu hình:  - Phương pháp khấu hao đường thẳng.  -Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh.  -Phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm | Tương tự, nhưng chỉ áp dụng đối với tài sản vô hình có thời gian hữu ích xác định  Tài sản có thời gian hữu ích không xác định thì không khấu hao. |
| Giá trị thanh lý | Đều được xem có giá trị bằng 0 trừ phi có bên thứ ba mua lại vào cuối thời gian sử dụng, và có thị trường hoạt động để xác định giá trị. | |
| Đánh giá tổn thất | Không đề cập trong kế toán Việt Nam | TSCĐ vô hình được đánh giá tổn thất khi có dấu hiệu cho rằng tài sản bị tổn thất.  Những dấu hiệu chỉ dẫn tài sản bị tổn thất cần được đánh giá lại hàng năm tại ngày lập báo cáo |
| Thanh lý TSCĐ vô hình | TSCĐ vô hình được loại bỏ khi thanh lý hay không mang lại lợi ích kinh tế tương lai  Ghi nhận là lãi (lỗ) trên Báo cáo kết quả kinh doanh | |
| Công bố thông tin | Phân loại tài sản, thời gian khấu hao, giải trình các biến động trong kỳ | Tương tự.  Làm rõ cách thức xác định thời gian hữu ích.  Làm rõ cơ sở đánh giá lại tài sản vô hình |

KẾT LUẬN

Từ khi được ban hành cho đến nay chuẩn mực kế toán số 04 về TSCĐVH đã được áp dụng nhiều năm vào thực tế, cùng với sự chuyển đổi bổ sung mới cho phù hợp với xu hướng quốc tế, các doanh nghiệp đã vận dụng linh hoạt chuẩn mực này vào quá trình hạch toán TSCĐ. Điều đó cho thấy rằng, có thể còn tồn tại một số mặt hạn chế, nhưng chuẩn mực về cơ bản là thuận tiện, phù hợp trong việc áp dụng vào điều kiện đặc thù của Việt Nam. Hiện nay, cùng với xu hướng toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn thế giới, Việt Nam cũng đã chính thức là thành viên của tổ chức thương mại thế giới WTO do vậy các chuẩn mực kế toán cũng cần thay đổi nhằm mục đích tạo sự minh bạch, rõ ràng, dễ hiểu và dễ sử dụng cho nhà đầu tư nước ngoài khi muốn đầu tư vào Việt Nam cũng như các nhà đầu tư Việt Nam muốn đầu tư ra nước ngoài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[http://www.iso-vn.com](http://www.iso-vn.com/en/financial-accounting)

<http://www.tapchiketoan.info>

<http://text.123doc.org/>

<http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Thong-tu-45-2013-TT-BTC-Che-do-quan-ly-su-dung-va-trich-khau-hao-tai-san-co-dinh-183508.aspx>